TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26–5 -2023
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Trần Thanh Hoàng.

- Ông Chau Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên toà: Bà Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc " *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 08/TB-TA ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 21, khóm X, phường Tịnh Biên, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* Anh **Phan Đức H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 21, khóm X, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang;

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18 tháng 10 năm 2022 và lời khai tại Tòa án chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Phan Đức H quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới khoảng tháng 10 năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tịnh Biên, An Giang *(phường T, thị xã Tịnh Biên, An Giang)* vào ngày 02/3/2005. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh H thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do, vài tháng lại về sau đó lại tiếp tục đi tiếp, bỏ mặt chị và con, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Phan Trần Đức D, sinh ngày 02/7/2005 hiện chị đang nuôi dạy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác nhận là không có.

Bị đơn: Anh Phan Đức H, anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập anh H đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử; thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng nhiệm vụ.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi dạy con tên Phan Trần Đức Dương, sinh ngày 02/7/2005, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác nhận là không có, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Đức H là bị đơn, có đăng ký tạm trú tại khóm X, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tống đạt hợp lệ cho anh H quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh H. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị L cho rằng khoảng năm 2004 chị và anh H được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên, Hện Tịnh Biên, An *Giang (UBND phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, An Giang)* theo giấy chứng nhận kết hôn số: 25 ngày 02/3/2005. Tại thời điểm kết hôn chị L và anh H đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị L cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng tháng 12/2021 thì chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H thường bỏ nhà đi, không rõ lý do, sau đó lại quay về, mặc dù chị đã nhiệu lần kHên ngăn. Trong quá trình giải quyết cũng như trong hòa giải, công bố chứng cứ Tòa án cũng đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, tuy nhiên chị L cương quyết giữ nguyên yêu cầu là được ly hôn với anh H, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được lý hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Đức H có 01 con chung tên Phan Trần Đức D, sinh ngày 02/7/2005 hiện chị L đang nuôi dạy, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi dạy, đồng thời em Phan Trần Đức Dương cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị L, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường nên giao D cho chị L được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xemt xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị L khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Phan Đức H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phan Đức H.

2. *Về con chung*: Chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dạy con tên Phan Trần Đức D, sinh ngày 02/7/2005; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị L chịu 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007812 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Tịnh Biên (*Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, An Giang).*

Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 ngày 02/3/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, Huyện Tịnh Biên, An Giang *(UBND phường T, thị xã Tịnh Biên, An Giang)* không còn giá trị pháp lý.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND thị xã Tịnh Biên;
- THA.DS thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;